

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 15-4-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chiu; Bà H Loan Uông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 11 năm 2021 và ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T; địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắc Lắc; có mặt;

Bị đơn: Anh Y T Hduể, địa chỉ: Buôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắc Lắc; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị H L Niê; địa chỉ: Buôn T, xã B, huyện L, tỉnh Đắc Lắc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: bà Vũ Thị T trình bày:

Ngày 09/7/2019, anh Y T Hduể vay bà T số tiền 510.000.000 đồng; mức lãi 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày (91,25%/năm); thời hạn vay là 01 tuần. Bà T đã đòi nợ nhiều lần nhưng đến nay anh Y T, chị H L vẫn chưa trả; nay bà T yêu cầu anh Y T, chị H L Niê phải trả bà số tiền đã vay là 510.000.000 đồng và tính lãi từ khi vay đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,5% tháng. Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu tính lãi theo mức được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Y T Hduể và chị H’ L Niê nhưng anh Y T, chị H’ L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/10/2021 nên

Tòa án đã phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại các Điều 227, 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 19/11/2021 anh Y T, chị H L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Chứng minh cho yêu cầu trên, bà T cung cấp “Giấy vay tiền” đề ngày 09/7/2019 do anh T đã viết nội dung vay, số tiền vay, ký tên vào bên vay trong “Giấy vay tiền”. Tài liệu này đã được giám định trên cơ sở các mẫu so sánh là các văn bản có chữ ký, chữ viết của anh Y T Hduê trong vụ án dân sự khác do chị H L Niê khởi kiện bà Nguyễn Thị Hoa để yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị H L với bà Nguyễn Thị Hoa là vô hiệu, trong đó, anh Y T tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Theo Kết luận giám định số 160/KLGD-PC09 ngày 14/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk thì chữ ký, chữ viết mang tên Y T Hduê trong “Giấy vay tiền” ngày 09/7/2019 và chữ ký, chữ viết đứng tên Y T Hduê trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Cũng tại phiên tòa ngày 19/11/2021, nguyên đơn đã cung cấp thêm một văn bản “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất thổ cư và đất ruộng” lập ngày 10/3/2020, bên chuyển nhượng đất là Y T Hduê, vợ anh Y T là chị H L Niê và con trai anh Y T, chị H L là anh Y Tuyn Niê; bên nhận chuyển nhượng là bà Vũ Thị T và người làm chứng là bà Nguyễn Thị Quế; giá chuyển nhượng đất là 860.000.000 đồng; đưa trước 700.000.000 đồng; còn 160.000.000 đồng trả cho Ngô Thị Hoa; hạn tới tháng 12 năm 2020 Y T sẽ rút “bìa đỏ” đang thế chấp ngân hàng ra và sang tên cho bà T.

Theo bà T trình bày tại phiên tòa thì do bà T đòi nợ, anh Y T, chị H L không có tiền trả nên đã chuyển nhượng đất cho bà T để thanh toán tiền nợ; số tiền “đưa trước” 700.000.000 đồng như trong văn bản chính là số tiền đã vay 510.000.000 đồng và lãi từ khi vay tính đến thời điểm viết giấy chuyển nhượng đất theo tính toán của hai bên. Lẽ ra việc chuyển nhượng đã thực hiện xong nhưng vì “bìa đỏ thửa đất đó đang thế chấp, hơn nữa bà T không có đủ tiền để trả nợ Ngân hàng cho anh Y T, chị H L nên chưa “sang tên” được. Đến khoảng tháng 6, 7 năm 2020 thì thửa đất này bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắk kê biên để thi hành án khoản nợ anh Y T, chị H L phải trả cho anh Nguyễn Hữu Lâm, chị Trần Thị Thu Hà. Qua đó bà T muốn chứng minh khoản nợ vay của bà là nợ chung của anh Y T, chị H L và chị H L cũng đã đồng ý trả nợ bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất như nội dung “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất thổ cư và đất ruộng” lập ngày 10/3/2020 nên chị H L Niê cũng phải có trách nhiệm trả số tiền 510.000.000 đồng anh Y T đã vay.

Do có tình tiết, chứng cứ mới tại phiên tòa có liên quan đến nghĩa vụ của đương sự nhưng cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, giám định chữ ký, chữ viết trong “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất thổ cư và đất ruộng” lập ngày 10/3/2020 nên Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa.

Bản kết luận giám định số 02/KL-PC09 ngày 14/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: chữ ký, chữ viết tên H L Niê trong “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất thổ cư và đất ruộng” lập ngày 10/3/2020 so với các tài liệu do H L Niê lập mà Tòa án đã thu thập được là do cùng một người viết ra.

Người ký làm chứng trong “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất thổ cư và đất ruộng” lập ngày 10/3/2020, bà Nguyễn Thị Quế khai vào khoảng 11 giờ ngày 10/3/2020, anh Y T gọi bà đến làm chứng việc chuyển nhượng đất để trừ nợ như nội dung trong “Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất thổ cư và đất ruộng” mà bà đã ký vào mục người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu:

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng nhưng vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử :

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Vũ Thị T; buộc anh Y T Hduế, chị H L Niê phải trả cho bà Vũ Thị T số tiền vay là 510.000.000 đồng và lãi chậm trả.

Buộc anh Y T H Druế, chị H L Niê hoàn trả lại tiền chi phí giám định cho bà Vũ Thị T.

Buộc anh Y T Hduế, chị H L Niê chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị T không phải chịu án phí và được trả lại tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên xác định quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”; bị đơn cư trú tại huyện Lắk; thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có thiện chí hợp tác tham gia tố tụng, từ bỏ thực hiện các quyền tố tụng của mình, quyền chứng minh các nội dung cơ bản của hợp đồng vay tài sản. Bị đơn đã vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án tiếp tục xét xử

vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà T yêu cầu anh Y T, chị H L trả số tiền vay là 510.000.000 đồng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Y T, chị H L không có ý kiến gì về khoản vay này. Mặt khác, “Giấy vay tiền” đề ngày 09/7/2019 do bà T cung cấp, chứng minh lúc vay tiền, anh T đã viết nội dung vay, số tiền vay, ký tên vào bên vay trong “Giấy vay tiền” trên đã được giám định trên cơ sở các mẫu so sánh là các văn bản có chữ ký, chữ viết của anh Y T Hduể trong vụ án dân sự do chị H L Niê khởi kiện bà Nguyễn Thị Hoa đề yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị H L với bà Nguyễn Thị Hoa là vô hiệu, trong đó, anh Y T tham gia tố tụng với tư cách là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Theo Kết luận giám định số 160/KLGD-PC09 ngày 14/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk thì chữ ký, chữ viết mang tên Y T Hduể trong “Giấy vay tiền” ngày 09/7/2019 và chữ ký, chữ viết đứng tên Y T Hduể trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, từ “Giấy vay tiền” ngày 09/7/2019 có đủ cơ sở chứng minh anh Y T Hduể có vay của bà T số tiền 510.000.000 đồng.

[3] Theo “Giấy vay tiền” ngày 09/7/2019, các bên không thể hiện nội dung thỏa thuận về thời hạn trả nợ, tiền lãi, lãi suất; nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện đây là khoản vay có lãi nên không có cơ sở để xác định thời hạn chậm trả, lãi, lãi suất; do đó, Tòa án xác định đây là khoản vay không kỳ hạn và không có lãi theo khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự quy định “...*bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý...*”, bà T đã yêu cầu bên vay trả nợ nhiều lần nhưng việc yêu cầu trả nợ được thực hiện bằng lời nói, không có cơ sở xác định được chính xác bên cho vay đã yêu cầu bên vay phải trả nợ vào thời gian nào, có báo trước thời gian hợp lý hay chưa để xác định thời điểm chậm trả nợ.

Theo tài liệu có trong hồ sơ thì ngày 10/5/2021, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của bà T; ngày 11/5/2021, Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án cho anh Y T. Tính đến ngày 26/5/2021, việc niêm yết thông báo thụ lý vụ án của Tòa án là hợp lệ, ở thời điểm này, anh Y T, chị H L đã được biết về việc bà T đòi nợ; với khoảng thời gian 15 ngày tiếp theo là khoảng thời gian anh Y T, chị H L có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T theo quy định của Điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự; nếu như anh T, chị H L có thiện chí thì khoảng thời gian này cũng đủ để xác định là khoảng thời gian báo trước hợp lý khi bên cho vay thực hiện quyền đòi lại tài sản; do vậy, trong trường hợp này cần xác định ngày 10/6/2021 là thời điểm bên vay phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay.

[4] Về nghĩa vụ chậm trả, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì “...*bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”

...” theo đó, tiền lãi chậm trả từ ngày 11/6/2021 đến ngày xét xử ngày 15/4/2022 là: $510.000.000 \times 10\% \times 310/365 = 43.315.000$ đồng.

[5] Về yêu cầu bà H L Niê phải trả nợ: “Giấy vay tiền” ngày 09/7/2019, khoản tiền vay 510.000.000 đồng là do anh Y T Hdruể đứng ra vay, Giấy mua bán đất thể hiện ý chí của chị H L đồng ý trả nợ anh Y T vay bằng việc chuyển nhượng đất là đã tiếp nhận khoản nợ chung của vợ chồng nên phát sinh nghĩa vụ liên đới của chị H L theo quy định của Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị T đã yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”. Tòa án đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng quyết định số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”. Tại phiên tòa, bà T vẫn yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời mà Tòa án đã áp dụng để đảm bảo thi hành án nên cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định 02/2021 Ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

[7] Về chi phí giám định: Bị đơn không có thiện chí giải quyết công nợ theo yêu cầu của nguyên đơn; không hợp tác tham gia tố tụng là chối bỏ nghĩa vụ trả nợ dẫn đến nguyên đơn phải yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ, ký, chữ viết trong “Giấy vay tiền”, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 9.900.000 đồng; số tiền này, nguyên đơn đã tạm ứng để chi phí nên cần buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn.

[8] Về án phí: Anh Y T Hdruể, chị H L Niê phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là $400.000.000 \times 5\% + 153.315.000 \times 4\% = 26.132.600$ đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được trả lại toàn bộ tạm ứng án phí là 15.260.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466; khoản 1 Điều 469 của Bộ Luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T; buộc anh Y T Hduế và chị H L Niê phải trả bà Vũ Thị T số tiền vay là **510.000.000** (Năm trăm mười triệu) đồng; tiền lãi chậm trả là **43.315.000** đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 19/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”. Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về chi phí giám định: Buộc anh Y T Hduế, chị H L Niê phải chịu 9.900.000 đồng chi phí giám định; Bà Vũ Thị T không phải chịu chi phí giám định; anh Y T Hduế, chị H L Niê phải hoàn trả lại chi phí giám định là 9.900.000 đồng cho bà Vũ Thị T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Y T Hduế, chị H L Niê chịu 26.132.600 đồng. Bà Vũ Thị T không phải chịu án phí và được trả lại 15.260.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: 60AA/2021/0001518 ngày 10/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 15/4/2022, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Lắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- Chi cục THADS H. Lắc;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Hưng